

Số: 07 /2026/VBHN-TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2026

THÔNG TƯ

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập,
lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục**

Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy chế tổ chức, hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa Chương trình giáo dục mầm non, tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 49/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

Căn cứ Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục¹.

¹ Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục.

Điều 2.² Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022. Thông tư này thay thế các quy định đối với nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục tại Điều 14, Điều 15 Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2015 ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động trường mầm non tư thục và Điều 1 Thông tư số 13/2018/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sửa đổi bổ sung điều 14 của Quy chế tổ chức, hoạt động trường mầm non tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu; Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo; chủ nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy chế tổ chức, hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa Chương trình giáo dục mầm non, tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 49/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.”

²Điều 14, Điều 15 và Điều 16 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 14. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2026, trừ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

Trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, các cơ sở giáo dục mầm non độc lập có quy mô tối đa 07 trẻ chấm dứt hoạt động theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng; Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thực
(Ban hành kèm theo Thông tư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thực)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và quản lý nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thực (được gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non độc lập); tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; tài chính, tài sản; giáo viên và nhân viên;³; trẻ em; trách nhiệm của các cấp quản lý và cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục mầm non.

Điều 2. Vị trí của cơ sở giáo dục mầm non độc lập

Cơ sở giáo dục mầm non độc lập là cơ sở giáo dục mầm non thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, do nhà đầu tư hoặc cộng đồng dân cư đầu tư cơ sở vật chất và bảo đảm điều kiện hoạt động.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở giáo dục mầm non độc lập

1. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; huy động, sử dụng và quản lý các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non, góp phần cùng Nhà nước chăm lo sự nghiệp giáo dục, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

2. Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi theo Chương trình giáo dục mầm non.

3. Bảo đảm việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của trẻ em.

4. Quản lý, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, nhân viên; người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; đảm bảo chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và an toàn về thể chất, tinh thần cho trẻ em.

³ Cụm từ “người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ” được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

5. Quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật (nếu có).

6. Báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định và yêu cầu của các cơ quan quản lý.

7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tên, biển tên cơ sở giáo dục mầm non độc lập

1. Đặt tên cơ sở giáo dục mầm non độc lập

a) Tên cơ sở giáo dục mầm non độc lập gồm:

- Nhóm trẻ độc lập hoặc lớp mẫu giáo độc lập hoặc lớp mầm non độc lập;
- Tên riêng của cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

Tên cơ sở giáo dục mầm non độc lập được ghi trên quyết định thành lập, biển tên và các giấy tờ giao dịch.

b) Tên riêng của cơ sở giáo dục mầm non độc lập phải bảo đảm rõ ràng, minh bạch, không gây hiểu sai về tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non độc lập; phù hợp truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc và không trùng với tên riêng của cơ sở giáo dục mầm non khác trên cùng địa bàn xã, phường,⁴.

2. Biển tên cơ sở giáo dục mầm non độc lập gồm những nội dung sau:

a) Bên trên: Ủy ban nhân dân xã, phường,⁵ (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) và tên đơn vị cấp xã;

b) Ở giữa: Tên cơ sở giáo dục mầm non độc lập theo quy định tại khoản 1 của Điều này, nếu sử dụng tên nước ngoài, phải ghi bên dưới tên tiếng Việt và cỡ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt;

c) Bên dưới: Địa chỉ, số điện thoại, trang web (nếu có), địa chỉ email, số quyết định cho phép thành lập.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Mục 1⁶ (được bãi bỏ)

⁴Từ “thị trấn” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

⁵Từ “thị trấn” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

⁶ Mục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

Điều 5.⁷ (được bãi bỏ)

Điều 6.⁸ (được bãi bỏ)

Điều 7.⁹ (được bãi bỏ)

Điều 8.¹⁰ (được bãi bỏ)

Mục 2

CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON ĐỘC LẬP¹¹

Điều 9. Điều kiện, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động giáo dục, cho phép hoạt động giáo dục trở lại, giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập

Thực hiện theo quy định của Chính phủ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 10. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu, tổ chức cơ sở giáo dục mầm non độc lập¹² bao gồm: chủ cơ sở; quản lý chuyên môn; giáo viên, nhân viên (nếu có) và các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

Điều 11. Chủ cơ sở

1. Chủ cơ sở là cá nhân hoặc cá nhân đại diện cho tổ chức đứng tên xin phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

2. Tiêu chuẩn

- Là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Phẩm chất, đạo đức tốt;
- Dưới 65 tuổi;
- Sức khỏe tốt;
- Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Nhiệm vụ

⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

⁸ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

⁹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

¹⁰ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

¹¹ Cụm từ “nhóm trẻ độc lập quy mô trên 07 trẻ, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập” được thay thế bởi cụm từ “cơ sở giáo dục mầm non độc lập” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

¹² Cụm từ “nhóm trẻ độc lập quy mô trên 07 trẻ, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập” được thay thế bởi cụm từ “cơ sở giáo dục mầm non độc lập” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

- Chỉ đạo, điều hành hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em;
- Đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em, giáo viên và nhân viên;
- Chỉ đạo, xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực;

- Đầu tư và quản lý cơ sở vật chất thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, tài liệu phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em theo quy định;

- Bảo đảm các chế độ, chính sách cho giáo viên, nhân viên theo quy định;

- Thực hiện công khai theo quy định.

b) Quyền hạn

- Được ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên theo quy định;
- Được đồng thời làm quản lý chuyên môn, giáo viên, nhân viên nếu đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định;

- Được phép thỏa thuận mức học phí với cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em;

- Được tham gia các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý;

- Được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

Điều 12. Người quản lý chuyên môn¹³

1.¹⁴ Người quản lý chuyên môn do chủ cơ sở giáo dục mầm non độc lập thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thực hiện nhiệm vụ quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

Chủ cơ sở được kiêm nhiệm người quản lý chuyên môn khi đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Tiêu chuẩn

- Phẩm chất đạo đức tốt;

- Có sức khỏe tốt;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên;

- Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn

Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non, bao gồm:

- Tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non độc lập theo Chương trình giáo dục mầm non;

¹³ Cụm từ “Quản lý chuyên môn” được sửa đổi bởi cụm từ “Người quản lý chuyên môn” theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

¹⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của giáo viên, nhân viên tại cơ sở giáo dục mầm non độc lập;
- Đề xuất phân công giáo viên, nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn;
- Xây dựng kế hoạch, nội dung sinh hoạt chuyên môn; tổ chức hướng dẫn chuyên môn và nghiệp vụ cho giáo viên, nhân viên;
- Tham gia đánh giá, xếp loại, đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên, nhân viên theo quy định;
- Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động chuyên môn, hồ sơ sổ sách phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non;
- Tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý chuyên môn;
- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được thỏa thuận trong Hợp đồng Lao động với chủ cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

Điều 13. Giáo viên, nhân viên

1. Tiêu chuẩn

- a) Giáo viên, nhân viên trong cơ sở giáo dục mầm non độc lập phải có đủ các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp; trình độ đào tạo, bồi dưỡng; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và sức khỏe theo quy định.
- b) Giáo viên phải được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật (nếu tiếp nhận trẻ khuyết tật).

2. Nhiệm vụ

- a) Nhiệm vụ của giáo viên
 - Bảo vệ an toàn về thể chất và tinh thần của trẻ em trong thời gian trẻ em ở cơ sở giáo dục mầm non độc lập;
 - Thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo Chương trình giáo dục mầm non;
 - Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; thực hiện quy tắc ứng xử của giáo viên, các quy định về đạo đức nhà giáo theo quy định;
 - Tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em; chủ động phối hợp với gia đình của trẻ em để thực hiện mục tiêu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em;
 - Tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em;
 - Thực hiện quy định của cơ sở giáo dục mầm non độc lập và các quy định khác

của pháp luật.

b) Nhiệm vụ của nhân viên

- Thực hiện nhiệm vụ được giao theo kế hoạch và sự phân công của chủ cơ sở giáo dục mầm non độc lập;

- Bảo đảm an toàn cho trẻ em trong ăn, uống và sinh hoạt tại cơ sở giáo dục mầm non độc lập; tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo đảm không để xảy ra ngộ độc đối với trẻ em;

- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của bản thân và cơ sở giáo dục mầm non độc lập; đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đồng nghiệp; thực hiện quy tắc ứng xử của nhân viên theo quy định;

- Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em;

- Thực hiện quy định của cơ sở giáo dục mầm non độc lập và các quy định khác của pháp luật.

c) Ngoài các nhiệm vụ trên, giáo viên, nhân viên cơ sở giáo dục mầm non độc lập phải thực hiện các nhiệm vụ theo hợp đồng lao động đã ký với chủ cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

3. Quyền của giáo viên, nhân viên

- Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể, được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định;

- Được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của quản lý chuyên môn và cơ sở giáo dục mầm non độc lập; được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em;

- Được đồng thời làm quản lý chuyên môn nếu đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định;

- Được hưởng chế độ tiền công, tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định của pháp luật;

- Được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

- Được khen thưởng, tặng danh hiệu thi đua và các danh hiệu khác theo quy định;

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Tổ chức nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

1. Trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non độc lập được tổ chức theo nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo.

a) Đối với nhóm trẻ: Trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi được tổ chức thành các nhóm trẻ. Số lượng trẻ em tối đa trong một nhóm trẻ được quy định như sau:

- Nhóm trẻ từ 03 - 12 tháng tuổi: 12 trẻ em;
- Nhóm trẻ từ 13 - 24 tháng tuổi: 20 trẻ em;
- Nhóm trẻ từ 25 - 36 tháng tuổi: 25 trẻ em.

b) Đối với lớp mẫu giáo: Trẻ em từ 03 tuổi đến 06 tuổi được tổ chức thành các lớp mẫu giáo. Số lượng trẻ em tối đa trong một lớp mẫu giáo được quy định như sau:

- Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi: 25 trẻ em;
- Lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi: 30 trẻ em;
- Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi: 35 trẻ em.

2. Nếu số lượng trẻ em trong mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo không đủ 50% so với số trẻ tối đa được quy định tại điểm a, b khoản 1 của Điều này thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép có không quá 20 trẻ em hoặc lớp mẫu giáo ghép có không quá 30 trẻ em hoặc lớp mầm non ghép có không quá 22 trẻ em.

3. Mỗi nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo có không quá 01 trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

4. Những nơi không đủ số trẻ để bố trí theo nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo quy định tại khoản 1 của Điều này thì định mức giáo viên mầm non sẽ tính trên số trẻ bình quân theo từng độ tuổi của từng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, cụ thể:

- Đối với nhóm trẻ: 01 giáo viên nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 trẻ từ 3 - 12 tháng tuổi hoặc 08 trẻ từ 13 - 24 tháng tuổi hoặc 10 trẻ từ 25 - 36 tháng tuổi;
- Đối với lớp mẫu giáo: 01 giáo viên nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 11 trẻ từ 3 - 4 tuổi hoặc 14 trẻ từ 4 - 5 tuổi hoặc 16 trẻ từ 5 - 6 tuổi;

5. Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có tối thiểu 02 giáo viên.

6. Tổng số trẻ em trong một cơ sở giáo dục mầm non độc lập không quá 70 trẻ em.

Chương III

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC

Điều 15. Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

1. Căn cứ Chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, cơ sở giáo dục mầm non độc lập xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, cơ sở giáo dục mầm non độc lập, nhu cầu của trẻ; bảo đảm tổ chức đầy đủ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; linh hoạt tổ chức các hoạt động vui chơi, tập thể, giao lưu, trải nghiệm cho trẻ hằng ngày.

2. Tổ chức kiểm tra sức khỏe trẻ em: tối thiểu 01 lần trong một năm học.

3. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em trên các biểu đồ tăng trưởng theo quy định: mỗi tháng 01 lần đối với trẻ em dưới 24 tháng, 03 tháng 01 lần đối với trẻ em từ 24 tháng tuổi trở lên.

4. Đánh giá sự phát triển của trẻ em theo quy định.

5. Đối với trẻ em khuyết tật học hòa nhập được thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với khả năng của từng cá nhân và theo quy định về giáo dục hoà nhập trẻ em khuyết tật.

Điều 16. Hồ sơ phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

1. Hồ sơ phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non độc lập gồm:

- Đơn xin học của cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em; Giấy khai sinh;
- Sổ quản lý trẻ em;
- Sổ kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;
- Sổ tính khẩu phần ăn của trẻ;
- Sổ quản lý giáo viên, nhân viên;
- Sổ quản lý tài sản, tài chính;
- Sổ hoạt động chuyên môn.

2. Hồ sơ điện tử được sử dụng thay cho các loại hồ sơ giấy theo lộ trình phù hợp với điều kiện của địa phương, cơ sở giáo dục mầm non độc lập và bảo đảm tính hợp pháp của các loại hồ sơ điện tử. Việc quản lý hồ sơ điện tử do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định theo chuẩn kết nối, chuẩn dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương IV

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 17. Địa điểm

1. Vị trí đặt cơ sở giáo dục mầm non độc lập bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

2. Các hạng mục công trình phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em cao không quá 03 tầng.

Điều 18. Cơ sở vật chất

Tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu

a) Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em: bảo đảm mỗi nhóm, lớp một phòng; diện tích ít nhất $1,5 \text{ m}^2/\text{trẻ em}$ nhưng không nhỏ hơn 24 m^2 ;

b) Phòng vệ sinh: bảo đảm mỗi nhóm, lớp một phòng; diện tích ít nhất $0,4 \text{ m}^2/\text{trẻ em}$; trang bị các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi. Trường hợp phòng vệ sinh sử dụng chung phải liên kết với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em bằng hành lang giao thông, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát;

c) Chỗ chơi (trong nhà) diện tích ít nhất $0,5 \text{ m}^2/\text{trẻ em}$ hoặc sân chơi (ngoài trời) diện tích ít nhất $1,0 \text{ m}^2/\text{trẻ em}$;

d) Những nơi có tổ chức ăn cho trẻ em, nhà bếp diện tích ít nhất $0,3 \text{ m}^2/\text{trẻ em}$ nhưng không nhỏ hơn 10 m^2 ; độc lập hoặc có cửa ngăn cách với phòng nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục trẻ em;

đ) Có phòng vệ sinh riêng cho giáo viên, nhân viên;

e) Chấn song cửa sổ, lan can cầu thang và các thiết bị điện bảo đảm an toàn;

g) Có đủ nước uống và nước sinh hoạt hằng ngày cho trẻ em, chất lượng nguồn nước bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định.

2.¹⁵ (*được bãi bỏ*)

Điều 19. Đồ dùng, đồ chơi, học liệu, tài liệu và thiết bị dạy học

1. Cơ sở giáo dục mầm non độc lập phải trang bị đồ dùng, đồ chơi, học liệu, tài liệu và thiết bị dạy học tối thiểu cho trẻ em, giáo viên và phục vụ dùng chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với độ tuổi và số lượng trẻ em mỗi nhóm, lớp.

2. Cơ sở giáo dục mầm non độc lập căn cứ vào yêu cầu, nguyên tắc lựa chọn đồ chơi, học liệu; kế hoạch thực hiện năm học; kế hoạch thực hiện chuyên đề hằng năm; nhu cầu thực tiễn các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em để lựa chọn, sử dụng đồ dùng, đồ chơi, học liệu, tài liệu phù hợp, bảo đảm chất lượng.

3. Khuyến khích các cơ sở giáo dục mầm non độc lập đầu tư đồ dùng, đồ chơi, học liệu và thiết bị dạy học hiện đại, tiên tiến để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Điều 20. Quản lý tài chính, tài sản

1. Quản lý tài sản của cơ sở giáo dục mầm non độc lập tuân theo các quy định của pháp luật. Mọi thành viên cơ sở giáo dục mầm non độc lập có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ tài sản chung.

2. Việc quản lý thu, chi từ các nguồn tài chính của cơ sở giáo dục mầm non độc lập thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Hằng năm, cơ sở giáo dục mầm non độc lập thực hiện công khai về cơ sở vật chất và thu chi tài chính theo quy định.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo¹⁶

Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo việc thực hiện Thông tư này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và quy định của pháp luật.

¹⁵ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

¹⁶ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 9 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

Điều 22.¹⁷ (được bãi bỏ)

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo¹⁸ quản lý cơ sở giáo dục mầm non độc lập; kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của các cơ sở giáo dục mầm non độc lập trên địa bàn.

2. Sắp xếp nhân sự quản lý cơ sở giáo dục mầm non độc lập; chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

3. Vận động các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức, cá nhân hỗ trợ công tác tổ chức hoạt động cơ sở giáo dục mầm non độc lập; xây dựng cơ chế giám sát đối với hoạt động của các cơ sở giáo dục mầm non độc lập theo hướng dựa vào cộng đồng, nhằm tạo cơ chế khuyến khích người dân tham gia giám sát hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại địa phương.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh¹⁹ về việc khen thưởng, động viên, thực hiện chế độ chính sách cho cơ sở giáo dục mầm non độc lập trên địa bàn; huy động các nguồn lực để hỗ trợ nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý theo thẩm quyền đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật.

6. Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền được giao theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh²⁰.

Điều 24. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục mầm non độc lập

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan quản lý giáo dục, cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em về mọi hoạt động của giáo viên, nhân viên; người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và trẻ em trong thời gian ở cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

2. Có trách nhiệm đầu tư và bổ sung đồ dùng, đồ chơi, học liệu, tài liệu và trang thiết bị hằng năm bảo đảm chất lượng và việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định.

¹⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

¹⁸ Cụm từ “Phòng Giáo dục và Đào tạo” được thay thế bởi cụm từ “Sở Giáo dục và Đào tạo” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

¹⁹ Cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

²⁰ Cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

3. Có trách nhiệm phối hợp với gia đình trẻ em và địa phương để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

4. Tham gia các hoạt động hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn theo quy định; phối hợp thực hiện công tác điều tra, thống kê phổ cập giáo dục mầm non trên địa bàn.

5. Có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội có liên quan chăm lo sự nghiệp giáo dục mầm non, tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng.

Điều 25. Trách nhiệm của gia đình và xã hội

1. Gia đình có trách nhiệm liên hệ, trao đổi, phối hợp với cơ sở giáo dục mầm non độc lập về tình hình của trẻ em nhằm phối hợp trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà; tham gia tích cực các hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

2. Tự nguyện đóng góp trí tuệ, công sức, kinh phí, vật chất phục vụ việc tăng cường cơ sở vật chất và các hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non độc lập, thực hiện quyền giám sát để sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

3. Tham gia và tạo điều kiện cho trẻ em được tham gia các hoạt động của cộng đồng với nội dung và hình thức phù hợp góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. *ph*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- VP Chính phủ (để đăng Công báo);
- Công TTĐT Bộ GD&ĐT; CSDLQG về PL;
- Lưu: VT, MN, PC.



Nguyễn Thị Quyên Thanh